

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DSST  
Ngày: 19 - 11 - 2021  
V/v tranh chấp dân sự về nợ  
hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Nội.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trên.
2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thanh Tòng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 và ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp dân sự về nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc dời ngày mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 65/TB-TA ngày 13 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc dời ngày mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 78/TB-TA ngày 06 tháng 8 năm 2021, Thông báo về việc dời ngày mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 110A/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 204/TB-TA ngày 08 tháng 10 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 223/TB-TA ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; địa chỉ: ấp HQ 2, xã LH, huyện L, tỉnh Đ.

\* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến Ng, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp BT, xã BT, huyện L, tỉnh Đ là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/4/2020) (Có mặt)

***- Bị đơn:*** Bà Lê Thị N, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HQ 2, xã LH, huyện L, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Yến Ng đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây bà Lê Thị N có tham gia hội 03 dây hội do bà Nguyễn Thị B làm chủ hội, cụ thể các dây hội như sau:

+ Dây hội 1.000.000đ/phần bắt đầu khai ngày 20/08/2016 âm lịch và mãn ngày 20/12/2019 âm lịch. Dây hội gồm 40 phần. Hình thức mở hội: 01 tháng khai 01 lần, bà N tham gia 05 phần. Khi mở hội bà B có phát cho mỗi hội viên một giấy hội ghi đầy đủ thành viên tham gia hội, trong giấy hội ghi tên “Thiểm 9 Ch” là ghi theo tên chồng của bà N nhưng người trực tiếp tham gia là bà N. Trong danh sách hội tên “thiểm 9 ch” có số thứ tự là 8,9,10,11,12. Sau khi mở hội được một thời gian thì bà N đã hốt hết cả 05 phần hội mà bà N tham gia và bà B đã giao hội đầy đủ cho bà N. Cụ thể:

- Hội khai lần thứ nhất ngày 20/8/2016al, bà N bỏ hội 300.000đ và hốt được số tiền 27.300.000đ – 400.000đ (huê hồng) – 2.800.000đ (04 phần hội sống) nên bà N thực lãnh được số tiền 24.100.000đ.

- Hội khai lần thứ hai ngày 20/9/2016al, bà N bỏ hội 280.000đ và hốt được số tiền 28.360.000đ – 400.000đ (huê hồng) – 1.000.000đ hội chết – 2.160.000đ (03 phần hội sống) nên bà N thực lãnh được số tiền 24.800.000đ.

- Hội khai lần thứ ba ngày 20/10/2016al, bà N bỏ hội 270.000đ và hốt được số tiền 29.010.000đ – 400.000đ (huê hồng) – 2.000.000đ (2 phần hội chết) – 1.460.000đ (02 phần hội sống) nên bà N thực lãnh được số tiền 25.150.000đ.

- Hội khai lần thứ tư ngày 20/11/2016al, bà N bỏ hội 280.000đ và hốt được số tiền 28.200.000đ – 400.000đ (huê hồng) – 3.000.000đ (3 phần hội chết) – 720.000đ (01 phần hội sống) nên bà N thực lãnh được số tiền 24.800.000đ.

- Hội khai lần thứ 6 ngày 20/01/2017al, bà N bỏ hội 300.000đ và hốt được số tiền 28.800.000đ – 400.000đ (huê hồng) – 4.000.000đ (4 phần hội chết) nên bà N thực lãnh được số tiền 24.400.000đ.

Sau khi hốt hết cả 05 phần hội thì bà N chỉ đóng lại được đầy đủ 04 phần hội cho đến mãn, còn một phần hội chết bà N chỉ đóng được đến lần thứ 21 là 21.000.000đ đến lần khai thứ 22 ngày 20/4/2018 thì bà N ngừng đóng hội nên bà N còn 19 lần hội chết là 19.000.000đ thì bà N không đóng tiếp cho bà B.

+ Dây hội 2.000.000đ/ phần bắt đầu khai ngày 10/02/2017 âm lịch và mãn ngày 10/02/2020 âm lịch. Dây hội gồm 36 phần. Hình thức mở hội: 01 tháng khai 01 lần trong đó bà N trong danh sách hội tên thiểm 9 ch số thứ tự 15 tham gia 1 phần. Khi mở hội bà B cũng có phát cho mỗi hội viên một giấy hội ghi đầy đủ danh sách hội viên, trong giấy hội ghi tên “Thiểm 9 Ch” là ghi theo tên chồng của bà N nhưng người trực tiếp tham gia là bà N. Khi dây hội khai đến lần thứ 05 ngày 10/6/2017al thì bà N bỏ số tiền 500.000đ và được hốt hội. Số tiền hội hốt là 54.500.000đ – 800.000đ huê hồng nên bà N thực nhận là 53.700.000đ.

Sau khi hốt hụi xong bà N có đóng hụi chết được 26 lần với số tiền là 52.000.000đ và đến lần khai thứ 32 (ngày 10/9/2019a) còn lại 05 lần hụi chết thì bà N không đóng hụi tiếp cho bà B. Như vậy bà N còn thiếu bà B số tiền là 10.000.000đ ( Mười triệu đồng).

+ Dây hụi 1.000.000đ/phần bắt đầu khai ngày 30/06/2017 (trước do có 02 tháng sáu) âm lịch và mần ngày 30/8/2020 âm lịch. Dây hụi gồm 38 phần. Hình thức mở hụi: 01 tháng khai 01 lần, bà N tham gia 03 phần. Khi mở hụi bà B cũng có phát cho mỗi hụi viên một giấy hụi ghi đầy đủ danh sách hụi viên, trong giấy hụi ghi tên Chín Ch là ghi theo tên chồng của bà N nhưng người trực tiếp tham gia là bà N. Trong danh sách hụi tên “9 ch” số thứ tự là 4,5,6. Dây hụi này bà N đã hốt hết cả 03 phần và bà B đã giao hụi đủ cho bà N cụ thể:

- Hụi khai ở lần thứ nhất ngày 30/6/2017a (trước) bà N bỏ hụi 240.000đ hốt được số tiền 28.120.000đ – 400.000đ huê hồng – 1.520.000đ (02 phần hụi sống) nên số tiền bà N thực nhận là 26.200.000đ.

- Hụi khai ở lần thứ hai ngày 30/6/2017a (sau) bà N bỏ hụi 280.000đ hốt được số tiền 26.920.000đ – 400.000đ huê hồng – 1.000.000đ hụi chết – 720.000đ (0 phần hụi sống) nên số tiền bà N thực nhận là 24.800.000đ.

- Hụi khai ở lần thứ ba ngày 30/7/2017a (sau) bà N bỏ hụi 310.000đ hốt được số tiền 26.150.000đ – 400.000đ huê hồng – 2.000.000đ hụi chết nên số tiền bà N thực nhận là 27.000.000đ.

Sau khi bà N hốt hết các phần hụi của mình thì bà N có đóng lại hụi chết cho bà B được 08 lần (đến ngày 10/4/2018) và còn lại 27.000.000đ hụi chết thì bà N không đóng hụi tiếp cho bà B.

Như vậy, số tiền hụi chết của 03 dây hụi nên trên bà N thiếu bà B tổng cộng là 56.00.000đ ( Năm mươi sáu triệu đồng). Đã nhiều lần bà B có yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền trên. Khi đến nhà thì bà Lê Thị N đều hứa lần hẹn lựa tới nay cũng không trả. Nay bà B khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lập Vò buộc bà Lê Thị N trả tổng số tiền nợ hụi là 56.00.000đ ( Năm mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà B không có yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 5 năm 2021 bị đơn là bà Lê Thị N trình bày:* Thừa nhận bà Lê Thị N có tham gia 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị B làm đầu thảo gồm: Dây hụi 1.000.000đ (Một triệu đồng)/phần bắt đầu khai ngày 20/08/2016 âm lịch và mần ngày 20/12/2019 âm lịch, Dây hụi 1.000.000đ (Một triệu đồng)/phần bắt đầu khai ngày 30/06/2017 (trước do có 02 tháng sáu) âm lịch và mần ngày 30/8/2020 âm lịch, Dây hụi 2.000.000đ (Hai triệu đồng) một phần bắt đầu khai ngày 10/02/2017 âm lịch và mần ngày 10/02/2020 âm lịch. Trong 03 dây hụi trên trong danh sách hụi viên ghi là “9 Ch” là ghi theo tên chồng của bà N nhưng bà N là người trực tiếp tham gia. Mỗi lần mở hụi bà B có phát cho bà N danh sách hụi viên để bà N giữ. Tuy nhiên, bà N chỉ tham gia mỗi dây hụi một phần, còn những phần khác là do bà Đào, vợ V và ai tham gia nữa thì bà N không biết nhưng bà B lại ghi tên bà N tham gia. Khi thấy danh sách ghi tên bà N nhưng bà N không tham gia bà N có yêu cầu bà B sửa lại ghi cho đúng tên nhưng bà B không chịu sửa nên bà N để luôn.

Phần hụi của bà N tham gia thì bà N đã hốt hụi xong nhưng không nhớ rõ hốt ở lần thứ mấy và được số tiền là bao nhiêu. Sau khi hốt hụi xong bà N đã đóng lại hụi chết cho bà B xong. Khi giao dịch tiền hụi thì hai bên không có làm giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến. Sau khi hốt hụi thì bà N có đóng hụi chết lại cho bà B xong hiện nay không còn nợ tiền hụi của bà B. Bà N là người trực tiếp đóng hụi cho bà B, khi đóng hụi thì hai bên cũng không có làm giấy tờ gì.

Số tiền mà bà B kiện là số tiền mà bà Trần Thị Đ (chị em bạn dâu của bà N) nợ tiền hụi bà B nên bà B muốn đòi tiền hụi thì yêu cầu bà Đ trả cho bà B. Do đó, bà N không đồng ý trả tiền theo như yêu cầu của bà B. Ngoài ra bà N không có ý kiến gì khác. Bà N khẳng định không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà Đ, vợ V cũng như những người khác tham gia hụi mà bà B lấy tên bà N để toà án tiến hành xác minh.

*- Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà. Riêng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị N thừa nhận có tham gia 03 dây hụi do bà B làm chủ gồm dây hụi khai ngày 20/8/2016al, dây hụi ngày 10/02/2017al và dây hụi ngày 30/6/2017al như bà B trình bày. Tuy nhiên, bà N cho rằng dây hụi ngày 20/8/2016al bà N chỉ tham gia một phần đã hốt xong và đã đóng hụi xong hiện nay không còn nợ. Dây hụi ngày 10/02/2017al bà N tham gia một phần đã hốt hụi và đóng lại tiền hụi xong. Đối với dây hụi ngày 30/6/2017al bà N cũng chỉ tham gia một phần, một phần của bà Đ và một phần của vợ V tham gia. Phần của bà N thì bà N cũng đã hốt và đóng hụi lại đầy đủ cho bà B nên không còn nợ tiền hụi bà B. Qua đánh giá chứng cứ, việc bà B xác định bà N còn nợ dây hụi ngày 20/8/2016 số tiền 19.000.000đ, nợ dây hụi ngày 10/02/2017 số tiền 10.000.000đ là chưa phù hợp. Các lần bà N hốt hụi ở dây thứ 2 và thứ 3 bà B giao đủ số tiền hốt hụi mà không trừ lại phần nợ hụi ở dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai mà vẫn giao đủ tiền hốt hụi cho bà N là không có cơ sở. Bà N không thừa nhận số tiền nợ hụi, việc giao hụi và góp hụi không có biên nhận giữa các bên. Do đó, bà B cho rằng bà N không thực hiện nghĩa vụ góp hụi thì phải chứng minh.

Đối với dây hụi ngày 30/6/2017, bà N xác định có tham gia giùm cho bà Đ 01 phần và vợ V một phần. Tuy nhiên, trong danh sách hụi chỉ ghi tên Thiêm 9 Ch (bà N). Bà B xác nhận chỉ có bà N tham gia 03 phần hụi và còn nợ lại số tiền là 27.000.000đ. Bà N xác định trong dây hụi này bà N có tham gia giùm cho

bà Đ một phần, vợ V một phần, phần của bà N đã đóng xong nhưng không được bà B chấp nhận do đó buộc bà N phải trả số tiền hui còn nợ trong dây hui này là 27.000.000đ là có căn cứ. Vì giấy hui ghi tên bà N, bà N có nhận giấy hui nhưng không có phản đối về thành viên tham gia hui, hơn nữa việc thay đổi thành viên phải được sự đồng ý của chủ hui và hui viên nhưng bà B không đồng ý thay đổi thành viên như bà N trình bày. Bà B góp hui và giao hui cho bà N thì bà N phải có trách nhiệm đóng hui cho bà B.

Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, biểu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Lê Thị Nga có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền hui còn nợ là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp dân sự về nợ hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Bị đơn là bà Lê Thị N thừa nhận có tham gia 03 dây hui do bà Nguyễn Thị B làm chủ hui, trong danh sách hui viên ghi “9 Ch” là ghi theo tên chồng của bà N nhưng bà N là người trực tiếp tham gia hui cụ thể các dây hui như sau: Dây hui 1.000.000đ/phần khai ngày 20/8/2016 al gồm 40 phần, dây hui 1.000.000đ/phần khai ngày 30/6/2017al gồm 38 phần và dây hui 2.000.000đ/phần khai ngày 10/02/2017al gồm 36 phần. Trong 03 dây hui này bà N đã hót và bà B đã giao tiền hui cho bà N đầy đủ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.2] Các bên xảy ra tranh chấp về số tiền hui còn nợ và số phần hui tham gia. Bà Nguyễn Thị B cho rằng dây hui 1.000.000đ/phần khai ngày 20/8/2016 al gồm 40 phần, bà N tham gia 05 phần và còn nợ lại số tiền hui chết là 19.000.000đ. Dây hui 2.000.000đ/phần khai ngày 10/02/2017al gồm 36 phần, bà N tham gia một phần và còn nợ lại số tiền là 10.000.000đ. Dây hui 1.000.000đ/phần khai ngày 30/6/2017al gồm 38 phần, bà N tham gia 03 phần và còn nợ lại số tiền hui chết là 27.000.000đ, tổng cộng số tiền hui bà N còn nợ bà B là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng). Còn bà Lê Thị N cho rằng dây hui

ngày 20/8/2016al bà N chỉ tham gia có một phần còn bốn phần còn lại là bà Đào và những người bà con của bà N tham gia nhưng bà B ghi tên “9 Ch” là bà N tham gia nhưng bà N không không cung cấp được tên họ, địa chỉ cụ thể của những người này cũng như cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Dây hui ngày 30/6/2017al bà N cũng chỉ tham gia một phần, còn một phần thì bà Đ là chị em bạn dâu của bà N và một phần do vợ V tham gia nhưng bà B ghi tên bà N (9 Ch) nhưng bà N cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà Đào và vợ Vũ cung như tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Dây hui ngày 10/02/2017al bà N tham gia một phần là đúng. Sau khi bà N hốt hui xong thì đã đóng hui chết lại đầy đủ cho bà B nên hiện nay không còn thiếu bà B số tiền hui nào nữa. Số tiền bà B kiện là số tiền bà Đ thiếu nên bà N không đồng ý trả theo như yêu cầu của bà B mà yêu cầu bà B kiện bà Đào để đòi nợ. Xét thấy:

[2.2.1] Căn cứ vào các danh sách hui viên mà bà B cung cấp thể hiện dây hui ngày 20/8/2016al bà Lê Thị N tham gia 05 phần trong 40 phần của dây hui số thứ tự theo danh sách là các số 8,9,10,11,12 có tên là “thiếu 9 Ch” và bà N thừa nhận “9 Ch” là ghi theo tên chồng của bà N nhưng bà N là người trực tiếp tham gia. Dây hui ngày 30/6/2017al gồm 38 phần, bà N tham gia 03 phần số thứ tự theo danh sách là 4,5,6 có tên là “thiếu 9 Ch”, bà N thừa nhận “9 Ch” là ghi theo tên chồng của bà N. Bà N cho rằng hai dây hui này bà N chỉ tham gia một phần còn những phần còn lại là do người nhà của bà N tham gia nhưng bà B không ghi tên những người tham gia mà ghi tên bà N nhưng bà N không cung cấp được họ tên địa chỉ của những người mà bà N cho rằng bà N đứng tên giùm để Tòa án tiến hành xác minh. Hơn nữa bà N cũng thừa nhận khi mở hui bà B có phát cho mỗi hui viên một tờ giấy ghi đầy đủ danh sách hui viên. Bà N cho rằng khi thấy danh sách hui đều ghi tên bà N tham gia đối với dây hui ngày 20/8/2016al là 05 phần và dây hui ngày 30/6/2017al tham gia 03 phần bà N có yêu cầu bà B sửa lại nhưng bà B không sửa nên bà N để luôn không yêu cầu bà B sửa lại nữa. Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn cho rằng khi tham gia hui ai tham gia bao nhiêu phần thì bà B ghi tên người đó và chỉ có người có tên trong danh sách hui mới được kêu hui và hốt hui nên không có việc người khác tham gia mà bà B lại ghi tên bà N. Từ ngày khai hui bà B giao danh sách hui viên không có lần nào bà N có ý kiến gì về danh sách hui viên. Lời trình bày của người đại diện của bà B phù hợp với lời khai của những người làm chứng đã tham gia trong 03 dây hui trên nên chấp nhận.

Như vậy, có cơ sở xác nhận dây hui ngày 20/8/2016al bà N tham gia 05 phần, dây hui ngày 30/6/2017al bà N tham gia 03 phần và dây hui ngày 10/02/2017al bà N tham gia 01 phần theo như lời trình bày của bà B.

[2.2.2] Về số tiền nợ hui: Bà B khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền nợ của 03 dây hui trên là 56.000.000đ. Còn bà N cho rằng chỉ tham gia 03 dây hui mỗi dây hui 01 phần sau khi hốt hui xong bà N đã đóng lại cho bà B đầy đủ tiền hui chết hiện nay không còn thiếu bà B. Số tiền hui bà B khởi kiện là số tiền hui mà bà Đ thiếu bà B nên yêu cầu bà B kiện bà Đ để yêu cầu bà Đ trả nợ. Tuy nhiên, bà N không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình và cũng không cung cấp được địa chỉ của bà Đ hiện nay ở đâu để Tòa án

tiến hành xác minh. Mặt khác, như đã phân tích ở trên thì bà N tham gia tổng cộng là 09 phần hối chứ không phải là 03 phần như bà N trình bày nên việc bà N cho rằng đã đóng hối đầy đủ cho bà B là không phù hợp. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền hối mà bà N còn thiếu bà B theo như đơn khởi kiện của bà B là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng). Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền hối còn nợ là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng).

[2.3] Đối với số tiền lãi chậm giao tiền các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là chỉ phù hợp một phần như đã phân tích ở trên nên chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 471 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, Điều 17, Điều 21, Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B**

Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền hối còn nợ là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Lê Thị N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

**3. Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Văn Nội**